

quốc lần thứ VII, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Trung ương, tr. 32.

5. Lâm Quốc Phong (2019). Thực trạng quản lý điều trị bệnh Lao theo chương trình DOTS và các yếu tố ảnh hưởng tại phòng khám Lao huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2019, *Luận văn Thạc sỹ y tế công cộng*, Trường Đại học Y tế Công cộng.

6. Nguyễn Xuân Tình (2013). Thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan tại phòng khám ngoại trú Bệnh viện lao và bệnh phổi tỉnh Bắc Giang năm 2013. *Tạp chí Y học thực hành*, 905(2), tr. 43 – 46.

7. Trung tâm y tế huyện Cao Lộc (2018). *Báo cáo kết quả điều trị lao 2018*, Cao lộc.

8. Nguyễn Đăng Trường (2009). Đánh giá việc tuân thủ điều trị lao tại cộng đồng huyện Thanh Trì Hà Nội năm 2009, *Luận văn Thạc sỹ y tế công cộng*, Trường Đại học Y tế Công cộng.

9. Trần Văn Ý (2017). Thực trạng tuân thủ điều trị và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân lao được quản lý tại các trạm y tế huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định năm 2017, *Luận văn Thạc sỹ y tế công cộng*, Trường Đại học Y tế Công cộng

10. Zumla A, Abubakar I, Raviglione M, et al (2012). Drug-resistant tuberculosis-current dilemmas, unanswered questions, challenges, and priority needs. *J Infect Dis*, 205.

11. World Health Organization (2003). Adherence to long - term therapies Evidence for action. [online] Available at: https://www.who.int/chp/knowledge/publications/adherence_report/en/ [Accessed 3 December 2018]

12. WorldHealth Organization (2018). Global Tuberculosis Report. [online] Available at: https://www.who.int/tb/publications/global_report/en/ [Accessed 2 December 2018]

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VỀ PHÒNG TẾ NGÃ CHO NGƯỜI BỆNH CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NAM NĂM 2019

Mai Xuân Thu¹, Nguyễn Thị Minh Chính², Đặng Thị Hàn²

¹Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam,

²Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng kiến thức về phòng tế ngã cho người bệnh của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nam năm 2019. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt

ngang được thực hiện trên 70 sinh viên Cao đẳng Điều dưỡng năm thứ 3 Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam. Bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về tế ngã cho sinh viên điều dưỡng được thiết kế sẵn gồm 35 câu hỏi về các nội dung: Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu, kiến thức về các yếu tố nguy cơ tế ngã, kiến thức về các biện pháp phòng tế ngã cho người bệnh. **Kết quả:** Kiến thức chung về phòng tế ngã cho người bệnh của sinh viên đạt $20,1 \pm 2,4$ trên tổng 28 điểm, trong đó 41,4% số sinh viên đạt loại tốt, 57,2% số sinh viên đạt loại trung bình, 1,4% sinh viên

Người chịu trách nhiệm: Mai Xuân Thu

Email: maixuanthucyt@gmail.com

Ngày phản biện: 23/9/2019

Ngày duyệt bài: 30/9/2019

Ngày xuất bản: 22/10/2019

đạt loại kém. Có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm có thời gian đi lâm sàng khác nhau ($p < 0,05$). **Kết luận:** Kiến thức của sinh viên điều dưỡng về phòng té ngã cho người bệnh phần lớn ở mức trung bình.

Kết quả cho thấy sự cần thiết phải củng cố kiến thức cho sinh viên về phòng té ngã cho người bệnh.

Từ khóa: kiến thức phòng té ngã, sinh viên điều dưỡng.

FALL PREVENTION KNOWLEDGE FOR PATIENTS AMONG NURSING STUDENTS AT HA NAM MEDICAL COLLEGE IN 2019

ABSTRACT

Objective: To assess the knowledge of fall prevention for patients among nursing students in Ha Nam Medical College in 2019. **Method:** A cross-sectional study was conducted with the participation of 70 third-year college nursing students at Ha Nam Medical College. The questionnaire consists of 35 questions to assess the knowledge of fall presentation for patients. **Results:** The mean score of fall prevention knowledge of students was 20.1 ± 2.4 per 28 points of the total scale, in which the percentages of students had the fall prevention knowledge at good, moderate and poor level were 41.4%, 57.2% and 1.4%, respectively. There is a difference in knowledge between groups with different clinical practice times ($p < 0,05$). **Conclusion:** The fall prevention knowledge for patients of nursing students was mainly at moderate level. Some contents of knowledge among students were limited. Therefore, teaching methods should be innovated and reinforcement the fall prevention knowledge for patients need to be made for nursing students before their practice at hospital.

Keywords: fall prevention knowledge, nursing students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đảm bảo an toàn trong đó có các biện pháp phòng té ngã cho người bệnh là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ an toàn người bệnh trong bệnh viện [2] và là

một trong những vấn đề sức khỏe phức tạp và tồn kém nhất hiện nay [14]. Theo ước tính của Currie LM, ở Hoa Kỳ mỗi năm có khoảng 700.000 đến 1.000.000 người bị ngã trong bệnh viện [6], từ 30% - 35% những người bệnh đó bị chấn thương do ngã và khoảng 11.000 người ngã đã tử vong [3], chấn thương liên quan đến té ngã có thể dẫn đến tăng thêm chi phí nằm viện 13,316 đô la và kéo dài thêm 6,3 ngày nằm viện [16]. Khi sự cố y khoa không mong muốn xảy ra, người bệnh và gia đình người bệnh trở thành nạn nhân, phải gánh chịu hậu quả tổn hại tới sức khỏe, tính mạng, tài chính. Ở Việt nam hiện nay chưa có một thống kê rõ ràng của một tổ chức y tế về tỷ lệ té ngã xong theo báo cáo của Ủy ban an toàn vào năm 2003 thì sự cố tai nạn té ngã dẫn đến tử vong đứng thứ hạng cao trong danh mục các sự cố thường gặp chiếm khoảng 4,6% [1], [2].

Sinh viên điều dưỡng là những người điều dưỡng tương lai, là người có vai trò quan trọng trong việc làm giảm thiểu té ngã ở người bệnh, họ sẽ là người chăm sóc và tham gia chính vào việc phòng ngừa té ngã cho người bệnh trong suốt quá trình nằm viện, vì vậy họ có thể trao đổi với bác sỹ, người nhà người bệnh và lên kế hoạch để giảm thiểu các nguy cơ này. Để đáp ứng vai trò đó sinh viên điều dưỡng cần phải có kiến thức, hiểu biết về vấn đề này. Một số nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng kiến thức của sinh viên vẫn còn nhiều hạn chế [13], [15], [17].

Tại Việt Nam các nghiên cứu về té ngã đang dần được quan tâm, đặc biệt trên đối tượng là sinh viên điều dưỡng, chính vì vậy để có thêm bằng chứng cho vấn đề này, tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu mô tả thực trạng kiến thức của sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nam về phòng té ngã cho người bệnh.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Tất cả các sinh viên điều dưỡng chính quy năm thứ 3 đang học tại trường Cao đẳng Y tế Hà Nam

- Thời gian thu thập số liệu: Tháng 4/2019

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam

2.2. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.3. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện, toàn bộ 70 sinh viên điều dưỡng chính quy năm thứ 3 đang học tại trường Cao đẳng Y tế Hà Nam được chọn vào nghiên cứu.

- Sinh viên chưa được học cũng như tham gia vào một chương trình đào tạo nào về té ngã.

- Mức độ kiến thức được đánh giá như sau:

Mức độ	Tỷ lệ câu trả lời đúng	Điểm		
		Yếu tố nguy cơ té ngã	Các biện pháp dự phòng	Kiến thức chung về té ngã
Tốt	Trả lời đúng từ 75% số câu hỏi trở lên	7,5 - 10,0 điểm	13,5 - 18,0 điểm	21,0 - 28,0 điểm
Trung bình	Trả lời đúng từ 50% đến 74% số câu hỏi	5,0 - < 7,5 điểm	9,0 - < 13,5 điểm	14,0 - < 21,0 điểm
Kém	Trả lời đúng dưới 50% số câu hỏi	< 5,0 điểm	< 9,0 điểm	< 14 điểm

2.4. Công cụ thu thập số liệu

- Bộ câu hỏi khảo sát kiến thức của sinh viên được xây dựng dựa trên bộ câu hỏi của tác giả Kim Myoung Hee [13] bao gồm 35 câu hỏi trong đó: có 7 câu hỏi về đặc điểm chung và 28 câu hỏi về kiến thức của đối tượng nghiên cứu gồm các yếu tố nguy cơ té ngã (10 câu) và các biện pháp phòng té ngã cho người bệnh (18 câu).

- Bộ câu hỏi sau khi được dịch sang tiếng Việt, được các chuyên gia góp ý điều chỉnh một số câu từ cho phù hợp với văn hóa của Việt Nam, đã thống nhất bộ công cụ có thể điều tra trên đối tượng sinh viên điều dưỡng.

- Bộ công cụ được điều tra thử trên 30 đối tượng sinh viên cao đẳng điều dưỡng (hệ vừa học vừa làm) có tiêu chuẩn tương tự như tiêu chuẩn chọn mẫu của nghiên cứu. Độ tin cậy của bộ công cụ đáp ứng yêu cầu để sử dụng trong nghiên cứu với chỉ số Cronbach alpha là 0,81.

- Điểm kiến thức của đối tượng trong nghiên cứu sẽ được đánh giá như sau: Mỗi lựa chọn đúng = 1 điểm, trả lời sai = 0 điểm, kiến thức về các yếu tố nguy cơ té ngã tối đa = 10 điểm, kiến thức về các biện pháp dự phòng té ngã tối đa = 18 điểm, tổng cộng kiến thức chung tối đa là 28 điểm, tối thiểu là 0 điểm.

2.5 Phương pháp thu thập số liệu

- Từ danh sách các sinh viên điều dưỡng có đủ điều kiện tham gia nghiên cứu, điều tra viên tiến hành đánh giá kiến thức của đối tượng bằng bộ câu hỏi tự điền đã xây dựng sẵn.

2.6 Phương pháp phân tích số liệu

- Sau khi thu thập, số liệu được kiểm tra, làm sạch, mã hóa, nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Các biến trong nghiên cứu được mô tả dưới dạng tần suất và tỷ lệ %.

3. KẾT QUẢ

3.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=70)

Đặc điểm		SL	TL %
Giới	Nam	21	30
	Nữ	49	70
Anh/Chị đã đi lâm sàng bệnh viện chưa?	Có	70	100
	Chưa	0	0
Thời gian anh/chị đã đi lâm sàng bệnh viện?	2 - < 6 tháng	7	10
	6 - 8 tháng	63	90
Anh/Chị đã chứng kiến người bệnh bị té ngã chưa?	Có	16	22,9
	Chưa	54	77,1
Anh/Chị có mong muốn được tham gia một chương trình đào tạo về phòng té ngã?	Có	62	88,6
	Không	8	11,4

Đối tượng nghiên cứu đa phần là nữ chiếm 70%, nam chiếm 30%. Tất cả các sinh viên trong nghiên cứu đã được đi lâm sàng bệnh viện và 90% sinh viên đã đi lâm sàng bệnh viện trên 6 tháng và có 22,9% sinh viên đã chứng kiến người bệnh bị té ngã tại bệnh viện, có 88,6% sinh viên mong muốn được tham gia một chương trình đào tạo về phòng té ngã cho người bệnh.

3.2 Thực trạng kiến thức về phòng té ngã của sinh viên

Bảng 3.2: Mức độ kiến thức về nhận biết yếu tố nguy cơ té ngã của sinh viên (n=70)

Yếu tố nguy cơ té ngã	Trả lời đúng	
	SL	TL %
Tốt	26	37,1
Trung bình	44	62,9
Kém	0	0,0
Điểm trung bình (min - max) 7,1 ± 1,1 (5 - 10)		

Bảng 3.2 cho ta thấy có 37,1% sinh viên có kiến thức tốt, 62,9% sinh viên có kiến thức trung bình về nhận biết về yếu tố nguy cơ té ngã. Điểm trung bình đạt $7,1 \pm 1,1$ điểm trên tổng 10 điểm.

Bảng 3.3: Mức độ kiến thức về các biện pháp dự phòng té ngã của sinh viên (n=70)

Các biện pháp dự phòng té ngã	Trả lời đúng	
	SL	TL %
Tốt	28	40,0
Trung bình	41	58,6
Kém	1	1,4
Điểm trung bình (min - max) 13,0 ± 1,9 (5 - 16)		

Bảng 3.3 cho ta thấy có 40% sinh viên có kiến thức tốt, 58,6% có kiến thức trung bình, có 1 sinh viên có kiến thức kém về các biện pháp dự phòng té ngã cho người bệnh. Điểm trung bình đạt $13,0 \pm 1,9$ điểm trên tổng 18 điểm.

Bảng 3.4: Mức độ kiến thức chung về phòng té ngã của sinh viên (n=70)

Kiến thức chung về phòng té ngã	Trả lời đúng	
	SL	TL %
Tốt	29	41,4
Trung bình	40	57,2
Kém	1	1,4
Điểm trung bình kiến thức (min - max) 20,1 ± 2,4 (11 - 25)		

Kiến thức chung về phòng té ngã của sinh viên: có 41,4% có kiến thức tốt, 57,2% có kiến thức trung bình, thậm chí có 1 sinh viên có kiến thức kém về phòng té ngã cho người bệnh chiếm tỷ lệ 1,4%. Điểm trung bình đạt $20,1 \pm 2,4$ trên tổng 28 điểm tương đương với 71,8% câu trả lời đúng.

3.3. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức về phòng té ngã của sinh viên

Bảng 3.5. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức về phòng té ngã của sinh viên (n=70)

Đặc điểm	Kiến thức			Trung bình (Mean \pm SD)	p
	Tốt	Trung bình	Kém		
Giới					
Nam	9 (42.9%)	11 (52.3%)	1 (4.8%)	$20,0 \pm 3,1$	0,29
Nữ	20 (40.8%)	29 (59.2%)	0 (0%)	$20,1 \pm 2,0$	
Thời gian đi lâm sàng bệnh viện					
(1) 2-<6 tháng	0 (0%)	6 (85.7%)	1 (14.3%)	$16.7 \pm 3,1$	0,01
(2) 6-8 tháng	29 (46.0%)	34 (54.0%)	0 (0%)	$20.4 \pm 2,0$	
Chứng kiến người bệnh bị té ngã					
Có	6 (37.5%)	10 (62.5%)	0 (0%)	$20,0 \pm 2,2$	0,78
Chưa	23 (42.6%)	30 (55.6%)	1 (1.8%)	$20,1 \pm 2,4$	
Mong muốn tham gia chương trình đào tạo về té ngã					
Có	23 (37.1%)	38 (61.3%)	1 (1.6%)	$19,9 \pm 2,3$	0,12
Không	6 (75.0%)	2 (25.0%)	0 (0%)	$21,3 \pm 2,9$	

Nhận xét: Nghiên cứu về mối liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức của đối tượng nghiên cứu. Kết quả cho thấy có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm đối tượng có thời gian đi lâm sàng khác nhau, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Kết quả cũng cho thấy sự khác biệt về kiến thức giữa giới tính, chứng kiến người bệnh bị té ngã, mong muốn tham gia chương trình đào tạo về té ngã không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng kiến thức về nhận biết yếu tố nguy cơ té ngã của sinh viên

Theo bảng 3.2 cho thấy: Điểm trung bình kiến thức của sinh viên về nhận biết yếu tố nguy cơ té ngã đạt $7,1 \pm 1,1$ trên tổng số 10 điểm tương đương 71,1% số câu trả lời đúng. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của tác giả Jamehl LD [11].

Theo nghiên cứu của Jamehl LD và cộng sự (2014) trên 63 sinh viên y khoa đại học Wake Forest, Winston-Salem, North

Carolina, Hoa Kỳ. Kết quả cho thấy kiến thức của sinh viên về các yếu tố nguy cơ té ngã là 44,5% đúng [11]. Sự khác biệt này có thể là do sự khác nhau về bộ công cụ nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu của Jamehl LD ngoài sinh viên điều dưỡng còn có đối tượng là dược và sinh viên khoa sức khỏe đồng minh.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Jae WH và Yang SK (2015) [10]. Theo nghiên cứu

của Jae WH and Yang SK (2015) trên 187 sinh viên điều dưỡng trường Đại học Khoa học và Sức khỏe Chungbuk, Hàn Quốc. Kết quả kiến thức của sinh viên về các yếu tố nguy cơ té ngã ở người bệnh đạt 87,6% câu trả lời đúng [10]. Kết quả này là phù hợp, bởi đối tượng nghiên cứu của Jae WH là sinh viên năm thứ tư và có thời gian đi lâm sàng lâu hơn so với đối tượng nghiên cứu của chúng tôi (thời gian đi lâm sàng trên 1 năm chiếm 69,2%).

4.2. Thực trạng kiến thức về các biện pháp dự phòng té ngã của sinh viên

Theo bảng 3.3 cho thấy: Điểm trung bình kiến thức của sinh viên về các biện pháp dự phòng té ngã cho người bệnh đạt $13,0 \pm 1,9$ trên tổng số 18 điểm tương đương 72% số câu trả lời đúng. Kết quả này thấp hơn so với một số tác giả nghiên cứu tại Hàn Quốc.

Theo tác giả Hye JK (2017) nghiên cứu trên 220 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và thứ 4 của Khoa Điều dưỡng Đại học Y tế Đông Á, Hàn Quốc kiến thức về các biện pháp phòng té ngã của sinh viên đạt 94,1% câu trả lời đúng [9].

Theo tác giả Choi SH and Lee HY (2015) trên 426 sinh viên điều dưỡng từ 7 trường đại học ở Hàn Quốc cho thấy kiến thức về các biện pháp phòng té ngã đạt 91,1% đúng [4]. Sự khác biệt về kết quả này có thể thấy rằng đối tượng nghiên cứu của chúng tôi vẫn còn những lỗ hổng kiến thức về phòng té ngã cho người bệnh, mặt khác đối tượng nghiên cứu của họ là sinh viên những trường đại học lớn tại Hàn Quốc.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn kết quả nghiên cứu của Debra K (2019). Theo nghiên cứu của Debra K (2019) trên 178 sinh viên y khoa đại học Monash, Melbourne, Victoria Australia. Cho thấy kiến thức của sinh viên đạt 29,7% số câu trả lời đúng [8]. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi, sự khác nhau này có thể do bộ công cụ của tác giả Debra K là khác so với nghiên cứu của tôi, và đối tượng nghiên cứu của Debra K ngoài

85% là sinh viên điều dưỡng còn lại 25% là sinh viên dược và sinh viên khoa sức khỏe đồng minh [8].

4.3. Thực trạng kiến thức chung về phòng té ngã của sinh viên

Kiến thức về yếu tố nguy cơ cũng như các biện pháp dự phòng té ngã là vấn đề rất quan trọng đối với sinh viên điều dưỡng nói riêng và nhân viên y tế cũng như người bệnh nói chung. Sinh viên từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường cần phải có kiến thức tốt sau này khi trở thành một cán bộ y tế mới có thể có thái độ, hành vi tốt trong công tác phòng ngừa té ngã cho người bệnh từ đó góp phần làm giảm chấn thương và tử vong liên quan đến ngã cho phép mọi người duy trì sự cuộc sống độc lập và chất lượng cuộc sống tốt nhất có thể, giảm gánh nặng chi phí điều trị cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên kiến thức về phòng té ngã của sinh viên điều dưỡng là chưa cao.

Kiến thức chung về dự phòng té ngã của sinh viên điều dưỡng có 41,4% có kiến thức tốt, 57,1% có kiến thức trung bình, thậm chí có 1 sinh viên có kiến thức kém về phòng té ngã cho người bệnh chiếm 1,4%. Điểm trung bình kiến thức của sinh viên đạt $20,1 \pm 2,4$ trên tổng 28 điểm tương đương 71,8% số câu trả lời đúng.

Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Kim Myoung Hee kiến thức của sinh viên điều dưỡng về té ngã khá cao, điểm trung bình đạt $12,86 \pm 2,08$ trên 15 điểm, tương đương mức 85,7% đúng [13].

Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với kết quả trong nghiên cứu của Chul-Gyu Kim [5] và nghiên cứu của Jeong HP (2014) [12]. Theo nghiên cứu của Chul-Gyu Kim kiến thức về an toàn người bệnh của sinh viên điều dưỡng Đại học Quốc gia Chungbuk - Hàn Quốc là rất cao trong đó kiến thức về phòng chống té ngã cho người bệnh có tỷ lệ câu trả lời đúng là 94,7% [5]. Theo nghiên cứu của Jeong HP and Myong HP (2014) trên 932 sinh viên điều dưỡng tại các trường đại học Hàn

Quốc cho thấy kiến thức về phòng chống té ngã có câu trả lời đúng đạt 90,0% [12]. Sự khác biệt này có thể do đối tượng nghiên cứu của Kim Myoung Hee, Chul GK và Jeong HP là sinh viên đại học điều dưỡng năm thứ 4. Còn đối tượng của chúng tôi là sinh viên cao đẳng điều dưỡng năm thứ 3, thời gian đi lâm sàng còn hạn chế và chương trình giáo dục về phòng té ngã cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng của Việt Nam hiện nay có thời lượng còn ít.

4.4. Mối liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức về phòng té ngã của sinh viên

Nghiên cứu cho thấy (bảng 3.5) có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm đối tượng có thời gian đi lâm sàng khác nhau, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của tác giả Daina L, nghiên cứu của Daina L cho thấy có sự khác biệt về kiến thức giữa các sinh viên năm thứ 2,3,4 ($p < 0,001$) [7]. Bảng 3.5 cũng cho thấy sự khác biệt về kiến thức giữa giới tính, chứng kiến người bệnh bị té ngã, mong muốn tham gia chương trình đào tạo về té ngã không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Nghiên cứu chỉ ra rằng ở nhóm nhóm sinh viên đi lâm sàng > 6 tháng (2) có 46.0% sinh viên đạt loại tốt và không có sinh viên nào đạt loại kém, trong khi đó nhóm đi lâm sàng < 6 tháng (1) không có sinh viên nào đạt loại tốt và có 14.3% đạt loại kém. Kiến thức trung bình về té ngã của nhóm (1) là $16.7 \pm 3,1$ còn ở nhóm (2) là $20.4 \pm 2,0$ điểm trên tổng 28 điểm. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Kim MH, tác giả cũng chỉ ra rằng sinh viên có thời gian đi lâm sàng trên 6 tháng có điểm trung bình cao hơn so với sinh viên đi lâm sàng dưới 6 tháng (12.94 ± 2.08 so với 12.75 ± 2.09). Tuy nhiên tác giả không tìm thấy mối liên quan giữa thời gian đi lâm sàng với kiến thức về té ngã của sinh viên ($p = 0.38$) [13].

5. KẾT LUẬN

Kiến thức của sinh viên điều dưỡng về phòng té ngã cho người bệnh phần lớn ở

mức trung bình là 57,2%. Kết quả nghiên cứu này cho thấy sự cần thiết phải củng cố kiến thức cho sinh viên về phòng té ngã cho người bệnh. Có sự khác biệt về kiến thức giữa các nhóm đối tượng có thời gian đi lâm sàng khác nhau, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2014). *Dự án tăng cường chất lượng nhân lực trong khám chữa bệnh*, Nhà xuất bản Y học, 55-72.
2. Bộ Y tế (2017). *Tài liệu đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*, NXB lao động, 97-102.
3. Ash KL, MacLeod P, Clark L (1998). Case control study of falls in the hospital setting. *Journal of Gerontological Nursing*. 24, 7-15.
4. Choi SH and Lee HY (2015). Factors affecting nursing students' practice of patient safety management in clinical practicum. *Journal of Korean Academy of Nursing Administration*. 21(2),184-192.
5. Chul GK, Yu H, Hye W et al (2018). The Relationship Between Knowledge of Patient Safety, Nursing Professionalism and Patient Safety Management Activities in Nursing Students. *Quality Improvement in Health Care*, 24(2), 1-10.
6. Currie LM (2008). *Fall and injury prevention. In: Patient safety and quality. an evidence-based handbook for nurses*. AHRQ Publication, Rockville.
7. Daina L et al. Exercise for falls prevention in older people: Assessing the knowledge of exercise science students. *Journal of Science and Medicine in Sport*. 13(1), 59-64.
8. Debra K, Elizabeth P, Cylie W et al (2019). Design, delivery and evaluation of a simulation-based workshop for health professional students on falls prevention in acute care settings. *Nursing Open*, 6, 1150–1162.

9. Hye JK (2017). A study on the Knowledge, Attitude, and Activity for Patient Safety Management of Nursing Students in One Area. *The Journal of Korean Nursing*, 1(2), 71 - 79.

10. Jae WH and Yang SK (2015). The Safety Management Activity of Nurses which Nursing Students Perceived during Clinical Practice. *Indian Journal of Science and Technology*, 8(25),1-6.

11. Jamehl LD, Swapna C, Kathryn EC et al (2014). Utilizing a Meals on Wheels Program to Teach Falls Risk Assessment to Medical Students. *Gerontology & Geriatrics Education*, 35, 409–420.

12. Jeong HP and Myong HP (2014). Knowledge, Attitude, and Confidence on Patient Safety of Undergraduate Nursing Students. *J Korean Acad Soc Nurs*, 20(1), 5-14.

13. Kim MH, Hye - WJ, Mi YC (2015).

Study on the Knowledge and Attitudes of Falls and Awareness of Fall Risk Factors among Nursing Student. *Indian Journal of Science and Technology*, 8(S1), 74-80.

14. Shobha S (2005). Prevention of Falls in Older Patients. *American Family Physician*, 72(1), 81-88.

15. Susan KP (2016). *Program to Improve Knowledge and Skills to Prevent Falls in the community Dwelling Older Adult Population*, Doctoral Theses, University of Arkansas Fayetteville.

16. Wong C, Recktenwald A, Jones M et al (2011). The cost of serious fall-related injuries at three Midwestern hospitals. *Joint Commission Journal on Quality and Patient Safety*, 37(2), 81-87.

17. World Health Organization (2007). *Who Global report on falls Prevention in older Age*. World Health Organization, Geneva.

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC VÀ THỰC HÀNH VỀ LỐI SỐNG Ở NGƯỜI BỆNH TĂNG HUYẾT ÁP ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2019

Lê Thị Thanh Huyền¹, Vũ Văn Thành²

¹ Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị,

² Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức và thực hành lối sống của người bệnh tăng huyết áp điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị năm 2019. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Điều tra cắt ngang được tiến hành từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2019 với sự tham gia của 107 người bệnh tăng huyết áp. Phiếu điều tra

STEPS cho Việt Nam 2015 được sử dụng để thu thập số liệu. **Kết quả:** Trong tổng số 107 người bệnh có 55,1% là nam giới. Tỷ lệ người bệnh có kiến thức đúng về lối sống kiểm soát tăng huyết áp là 67,3%; tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về hoạt động thể lực là 49,5%, tỷ lệ người bệnh thực hành đạt về chế độ nghỉ ngơi là 35,5%. **Kết luận:** Thực trạng kiến thức và thực hành về lối sống kiểm soát tăng huyết áp của người bệnh còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự cần thiết của tăng cường giáo dục sức khỏe cho người bệnh.

Từ khóa: Tăng huyết áp, kiến thức và thực hành, lối sống

Người chịu trách nhiệm: Lê Thị Thanh Huyền

Email: huyendove@gmail.com

Ngày phản biện: 08/10/2019

Ngày duyệt bài: 14/10/2019

Ngày xuất bản: 22/10/2019